

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

ĐỀ THI/ĐỀ BÀI, RUBRIC VÀ THANG ĐIỂM
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 2, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Tham vấn người nghiện		
Mã học phần:	71SOWK40353	Số tín chỉ:	03
Mã nhóm lớp học phần:	242_71SOWK40353_01		
Hình thức thi: Tiểu luận	Thời gian làm bài:	14	ngày
☐ Cá nhân	☒ Nhóm		

III. Nội dung đề bài

1. Đề bài

Nhóm sinh viên có thể lựa chọn các chủ đề dưới đây để xây dựng chiến lược hỗ trợ người nghiện ma túy hoặc người sau cai nghiện hoặc gia đình của họ.

1. Các kiến thức về ma túy.
2. Các chiến lược hỗ trợ đối phó với cơn thèm nhớ ma túy, kỹ năng từ chối.
3. Các biện pháp hỗ trợ người sau cai nghiện phục hồi về tâm lý, xã hội.
4. Các chiến lược hỗ trợ cho gia đình họ.

Lưu ý: Giải pháp được thực hiện thông qua các sản phẩm cụ thể (bản kế hoạch, tranh ảnh, áp phích, bài viết, video,...).

2. Hướng dẫn thể thức trình bày đề bài

a. Quy cách trình bày tiểu luận:

- Tiểu luận được trình bày trên khổ giấy A4, kiểu trang đứng (portrait).
- Font chữ: Times New Roman.
- Định dạng lề: bottom, top: 2cm; right, left: 2cm.
- Bảng mã: Unicode.
- Cách dòng: 1.35 lines.
- Cỡ chữ: 13.
- Độ dài của một bài tiểu luận: tùy theo yêu cầu của môn học, quy định chung tối thiểu 15 trang
- tối đa 20 trang (không tính phụ lục).
- Đánh số trang ở giữa trang, phía dưới.

b. Quy cách trình bày nội dung

Nội dung tiểu luận bao gồm:

- (1) Trang bìa ghi rõ: Trường, mã lớp học, họ tên, mã số sinh viên, môn học, tên đề tài, giảng viên hướng dẫn (GVHD)
- (2) Bảng danh mục các từ viết tắt (nếu có)
- (3) Danh mục các bảng - biểu đồ (nếu có)
- (4) Trang mục lục bao gồm: Các đề mục và số trang
- (5) Trang nội dung:

Phần 1: Mở đầu

- 1.1 Lý do chọn chủ đề
- 1.2 Mục tiêu
- 1.3 Đối tượng thụ hưởng, đối tượng tác động

Phần 2: Kết quả

- 2.1 Thực trạng của vấn đề
- 2.2 Nguyên nhân của vấn đề
- 2.3 Giải pháp và sản phẩm (*Đưa ra các giải pháp và sản phẩm của nhóm thuộc giải pháp nào? mô tả chi tiết sản phẩm đã thiết kế, cách thức triển khai giải pháp*).

Phần 3: Kết luận

1. Kết luận
 2. Khuyến nghị
- (6) Tài liệu tham khảo

c. Hướng dẫn cách trích dẫn tài liệu tham khảo.

Đối với trang tài liệu tham khảo

- **Cách viết tài liệu tham khảo là sách:** Tên tác giả (năm xuất bản). Tên sách. Nhà xuất bản, Nơi xuất bản.
- **Tài liệu tham khảo là một chương của sách:** Tên tác giả (năm xuất bản). Tên của chương sách. Trong: Tên tác giả sách, tên sách. Nhà xuất bản, Nơi xuất bản, trang. số trang đầu - số trang cuối của chương.
- **Cách viết tài liệu tham khảo là luận văn/ luận án/ khóa luận:** Tên tác giả (năm xuất bản). Tên đề tài luận văn/ luận án/ khóa luận. Luận văn (học vị), Khoa chuyên ngành, tên Trường Đại học.
- **Tài liệu tham khảo trích dẫn từ nguồn internet/website:** Tên tác giả (năm). Tên tài liệu [online], ngày tháng năm truy cập nguồn thông tin, từ <đường dẫn để tiếp cận tài liệu đó>.
- **Tài liệu tham khảo trích dẫn từ nguồn báo in hàng ngày:** Tên tác giả (năm xuất bản). Tên bài báo, tên báo, chuyên mục, ngày ấn bản.

Các cách trình bày trích dẫn trong bài viết:

- Tên tác giả/tổ chức và năm xuất bản tài liệu đặt trong ngoặc đơn. Ví dụ: Thương mại điện tử và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam (Nguyễn Văn A, 2019).
- Tên tác giả/tổ chức là thành phần của câu, năm xuất bản nằm trong ngoặc đơn. Ví dụ: Nguyễn Văn A (2019) cho rằng thương mại điện tử có ảnh hưởng mạnh mẽ đến hành vi người tiêu dùng giai đoạn 2020-2025.
- Trường hợp trích dẫn nguyên một đoạn nội dung của tài liệu tham khảo thì có thể đưa số trang tài liệu trích dẫn vào trong ngoặc đơn. Ví dụ: Nguyễn Văn A (2019, tr.13) nêu rõ “thương mại điện tử có ảnh hưởng mạnh mẽ đến hành vi của người tiêu dùng giai đoạn 2020-2025”.

d. Lưu ý:

- Sinh viên sẽ bị điểm 0 nếu:

- + Đạo văn;
- + Sao chép bài của nhau;
- + Trích dẫn quá 40% trong toàn bộ nội dung tiểu luận;
- + Số lượng 2 sinh viên/nhóm

- Hình thức nộp bài:

- + Nộp bài theo quy định của Nhà trường (do Phòng Khảo thí chủ trì).

2. Rubric và thang điểm

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
		(9 - 10đ)	(7 - < 9đ)	(5 - < 7đ)	(0 - < 5đ)
1. Cấu trúc và văn phong trình bày	10%	Cấu trúc logic, văn phong mạch lạc, không có lỗi chính tả	Cấu trúc khá logic, văn phong tương đối mạch lạc, có vài lỗi chính tả	Cấu trúc còn nhiều sai sót, văn phong chưa mạch lạc, một ít lỗi chính tả	Cấu trúc không logic, văn phong lủng củng, nhiều lỗi chính tả.
2. Nội dung	60%	Đánh giá đúng, phân tích chặt chẽ, logic thực trạng, nguyên nhân, hệ quả	Đánh giá thực trạng nguyên nhân, hệ quả hợp lý còn vài lỗi sai	Đánh giá thực trạng nguyên nhân, hệ quả còn sơ sài.	Đánh giá thực trạng nguyên nhân, hệ quả không phù hợp
3. Thiết kế	20%	Thiết kế ấn tượng, sáng tạo, bố cục logic, màu sắc hài hòa, và phù hợp với đối tượng.	Thiết kế rõ ràng, màu sắc phù hợp nhưng chưa có điểm nhấn sáng tạo.	Thiết kế đơn giản, bố cục thiếu logic, hoặc màu sắc chưa hài hòa.	Thiết kế rối mắt, không phù hợp với nội dung và đối tượng.
4. Tính thực tiễn	10%	Tính thực tiễn cao, dễ dàng áp dụng cho cộng đồng hoặc gia đình người nghiên.	Có tính thực tiễn nhưng cần chỉnh sửa hoặc bổ sung thêm một số phần để áp dụng hiệu quả hơn	mang tính lý thuyết, ít khả năng áp dụng thực tế.	không có khả năng áp dụng hoặc không liên quan thực tiễn.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2025
Giảng viên ra đề

Người duyệt đề



Kiều Văn Tu



Phan Thị Kim Liên